

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁCH KHOA NAM SÀI GÒN**



COURSEBOOK

SUBJECT/MODULE: TRANSLATION

MAJOR IN: ENGLISH

PROFICIENCY: ASSOCIATE DEGREE

*Issued under decision no:/QĐ-.....date.....month.....year 20....
.....from*

Ho Chi Minh city, year 2023

STATEMENT OF AUTHORSHIP

This coursebook is applied in educational activities within the school itself, so the sources of information can be originally used or partially extracted for the training and reference purposes.

Any other misleading purposes or uses for any unfair business ones are strictly prohibited.

INTRODUCTION

This textbook came out as a need of providing an official document of the Translation Coursebook for the students of English Department to study in their second year.

The coursebook consists of two parts: English-Vietnamese Translation and Vietnamese-English Translation. Twenty selected texts have been compiled from some translation textbooks and updated from certain British newspapers on the Internet. A variety of selected topics has been put into careful consideration such as Vietnamese and Western cultures, literature, information technology, history, plants and animals, together with hot issues like environmental problems and global coronavirus pandemic (COVID-19 virus). Furthermore, the sophomores would find the instructed steps of doing the translation job as well as lists of the vocabulary, collocations and noted structures in each unit useful and accessible. Last but not least, the first half of the book has offered detailed instructions in translating as an available source of reference to support the learners, especially the beginners in this subject.

A warm thank you to our Dean - Ms. Bui Thi Le Thoa - for giving us a chance to do this interesting job.

A special thank you message to my dedicated colleague - Ms. Ngoc Tuyen - for her participation, cooperation and helpfulness in the process of the compilation.

Ho Chi Minh City,/...../20.....

Compilation participants

1. M.Ed Duong Thi Thu Hai

2. Ms. Doan Thi Ngoc Tuyen

TABLE OF CONTENTS

	page
1. Statement of authorship	02
2. Introduction	03
3. Table of contents	04
3. Program of the course	06
4. Contents of the course	07
<i>Section 1: What is translation?</i>	07
<i>Section 2: Guided translation</i>	12
<i>Part 1: English - Vietnamese Translation</i>	
<i>Unit 1: Cultural landscape</i>	
<i>Unit 2: Cultures are different</i>	21
<i>Unit 3: The Thorn Birds</i>	26
<i>Unit 4: Communication</i>	33
<i>Unit 5: Environmental problems: Garbage and Dust</i>	39
<i>Unit 6: The panda's last chance</i>	45
<i>Unit 7: Endless love</i>	53
<i>Part 2: Vietnamese- English Translation</i>	
<i>Unit 8: Diệu Linh</i>	59
<i>Unit 9: Đình làng Việt Nam</i>	64
<i>Unit 10: Loài người bắt nguồn từ biển</i>	68
<i>Section 3: Practise Exercises</i>	
<i>Unit 11: Color Effect</i>	73
<i>Unit 12: Advice to motorway driving</i>	75
<i>Unit 13: Britain beyond lockdown in 2020</i>	76
<i>Unit 14: Are we running out of water?</i>	79
<i>Unit 15: The origin of Sars-Covi2</i>	80
<i>Unit 16: The flood</i>	81
<i>Unit 17: Breaking News</i>	83

<i>Unit 18: Nông nghiệp hữu cơ</i>	87
<i>Unit 19: Thiên tai</i>	89
<i>Unit 20: Con vật bay điều khiển qui trình bay như thế nào?</i>	91
Section 4: Reference reading	
<i>Part 1: Translation is a craft (Dịch là một nghề nghiệp)</i>	93
<i>Part 2: Translation technique</i>	101
References	126

TaiLieu.vn

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: BIÊN DỊCH (TRANSLATION)

Mã số môn học : MH22

Thời gian môn học : 45 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ, Thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận : 27 giờ, Kiểm tra: 3 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:

- Vị trí: Học phần này là học phần cơ sở liên quan trực tiếp và quan trọng đến các môn chuyên ngành. Học phần này được học trong học kỳ 3 của chương trình học.
- Tính chất: Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên các khái niệm và cách tiếp cận cơ bản trong dịch thuật cũng như các tình huống ứng dụng các kiến thức đã học về ngôn ngữ, kỹ năng trong tiếng Anh nhằm thực hiện việc dịch một cách chính xác. Ngoài ra, sinh viên còn được luyện tập dịch các tình huống thông dụng trong dịch thuật và học phần này là môn học cơ sở bắt buộc.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC: *(Kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm)*

1. Về kiến thức:

- Nắm vững được các khái niệm cơ bản về dịch thuật
- Nắm vững được kỹ thuật dịch trong 9 tình huống thông dụng trong dịch thuật
- Chỉ ra được 5 phương pháp dịch thuật trong văn bản
- Chỉ ra được 3 đặc điểm của một bản dịch hay

2. Về kỹ năng:

- Phân tích được cấu trúc câu đơn giản của ngôn ngữ nguồn
- Áp dụng được qui trình cơ bản để dịch câu và văn bản

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Nghiêm túc, chủ động, tích cực trong học tập, tham gia các hoạt động cặp, nhóm và tự học theo yêu cầu và sự hướng dẫn của giáo viên.
- Tự tìm tòi, nghiên cứu văn hóa trong quá trình dịch.

SECTION I: *What is translation?*

1. Introduction:

According to Cambridge English Dictionary, the noun **Translation** /trænz'leɪʃən/ means *the activity or process of changing the words of one language into the words in another language that have the same meaning*.



In the other hand, translation is a mental activity in which a meaning of given linguistic discourse is rendered from one language to another. It is the act of transferring the linguistic entities from one language in to their equivalents into another language. On the other hand, translation is an act through which the content of a text is transferred from the source language into the target language (Foster, 1958). *The language to be translated is called the **source language** (SL), whereas the language to be translated into or arrived at is called the **target language** (TL) or **receptor language** (RL).*

OVERVIEW OF THE TRANSLATION TASK

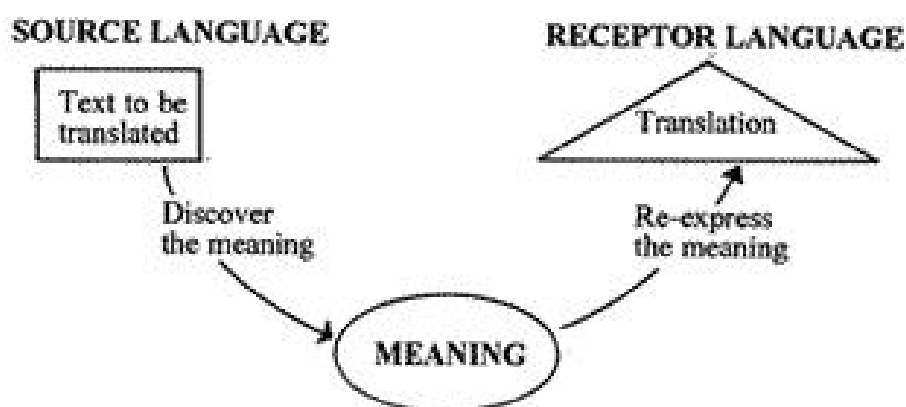
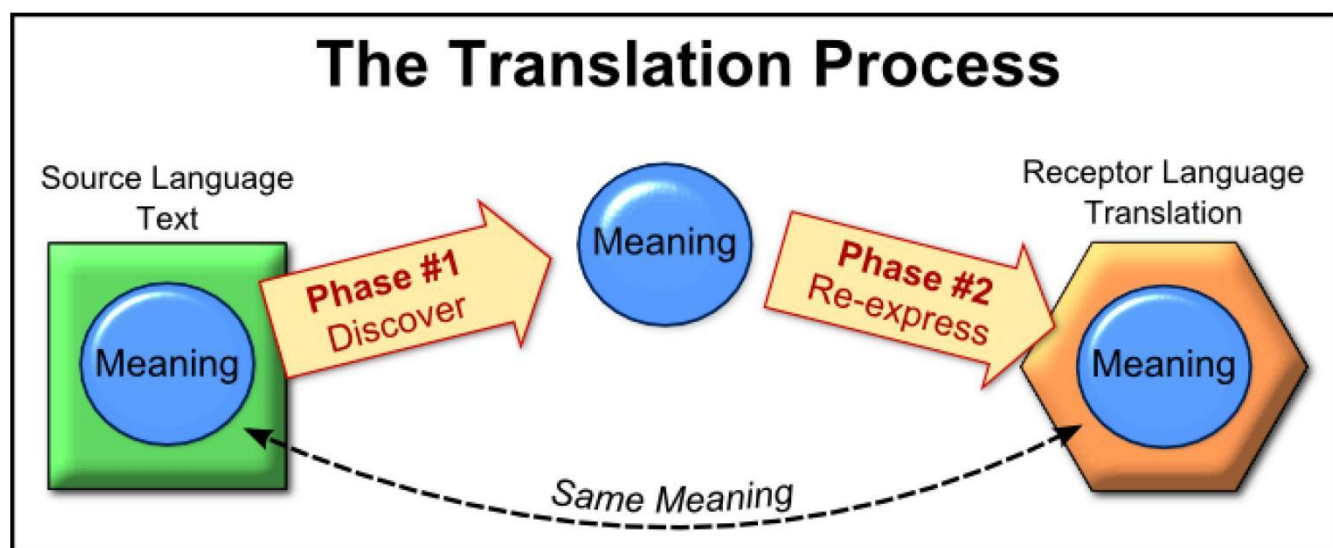


Diagram from [Larson 1998, p. 4](#)

2. Source and target languages

In the practice of translation, the **source language** is the language being translated from, while the **target language**, also called the **receptor language**, is the language being translated into. Often the source language is the translator's *second language*, while the target language is the translator's *first language*. In some geographical settings, however, the source language is the translator's *first language* because not enough people speak the source language as a second language. For instance, a 2005 survey found that 89% of professional Slovene translators translate into their second language, usually English. In cases where the source language is the translator's first language, the translation process has been referred to by various terms, including "translating into a

non-mother tongue", "translating into a second language", "inverse translation", "reverse translation", "service translation", and "translation from A to B".



In other words, in translation, a **source text (ST)** is a text written in a given source language which is to be, or has been, translated into another language, while a **target text (TT)** is a translated text written in the intended target language, which is the result of a translation from a given source text. According to Jeremy Munday's definition of translation, "*the process of translation between two different written languages involves the changing of an original written text (the source text or ST) in the original verbal language (the source language or SL) into a written text (the target text or TT) in a different verbal language (the target language or TL)*". The terms 'source text' and 'target text' are preferred over 'original' and 'translation' because they do not have the same positive vs. negative value judgment.

Translation for specialized or professional fields requires a working knowledge, as well, of the pertinent terminology in the field. For example, translation of a legal text requires not only fluency in the respective languages but also familiarity with the terminology specific to the legal field in each language.

While the form and style of the source language often cannot be reproduced in the target language, the meaning and content can. Linguist [Roman Jakobson](#) went so far as to assert that all cognitive experience can be classified and expressed in any living language. Linguist [Ghil'ad Zuckermann](#) suggests that the limits are not of translation *per se* but rather of *elegant* translation.

Difficulties in translating can arise from **lexical** and **syntactical** differences between the source language and the target language, which differences tend to be greater between two languages belonging to different **language families**.

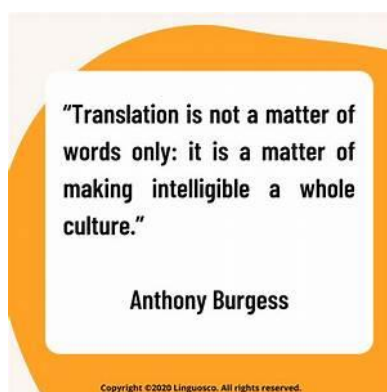


September 30th is International Translation Day!

Translation has a long and varied history, stretching as far back as the creation of the Rosetta Stone in 196 B.C. International Translation Day itself is celebrated every year on the feast of Saint Jerome, the first to translate the Bible into Latin and the patron saint of translators. Translation has now become a necessity for those looking to expand their business internationally.

3. Translators

The translator needs to have good knowledge of both the source and the target language, in addition to a high linguistic sensitivity as he should transmit the writer's intention, original thoughts and opinions in the translated version as precisely and faithfully as possible.



Competent translators show the following attributes:

- ✓ a *very good* knowledge of the language, written and spoken, *from which* they are translating (the source language);
- ✓ an *excellent* command of the language *into which* they are translating (the target language); familiarity with the subject matter of the text being translated;
- ✓ a profound understanding of the etymological and idiomatic correlates between the two languages, including sociolinguistic register when appropriate; and
- ✓ a finely tuned sense of when to *metaphrase* ("translate literally") and when to *paraphrase*, so as to assure true rather than spurious *equivalents* between the source and target language texts.

➔ A competent translator is not only **bilingual** but **bicultural**. A language is not merely a collection of words and of rules of grammar and syntax for generating sentences, but also a vast interconnecting system of connotations and cultural references. The **complexity of the translator's task** cannot be overstated; one author suggests that becoming an accomplished translator—after having already acquired a good basic knowledge of both languages and cultures—may require a minimum of ten years' experience. Viewed in this light, it is a serious misconception to assume that a person who has fair fluency in two languages will, by virtue of that fact alone, be consistently competent to translate between them.

The translator's role in relation to a text has been compared to that of an artist, e.g., a musician or actor, who interprets a work of art. Translation, like other human activities, entails making choices, and choice implies interpretation. Mark Polizzotti writes: *"A good translation offers not a reproduction of the work but an interpretation, a re-representation, just as the performance of a play or a sonata is a representation of the script or the score, one among many possible representations."*

4. Further reading:



Translation is a complex skill which is honed over a number of years. Being a freelance translator can be a highly rewarding job, but not everyone is cut out for it. See the nine qualities we think are most important when it comes to being a great translator.

1. A passion for language

This goes without saying. You have to care about languages and translating high quality material and take pride in your work. If you don't have a natural passion for languages the work will quickly become dull and will affect your output and quality.

2. Mother-tongue speaker

For high quality, consistent translations it isn't enough to have studied a language. A non-mother tongue speaker is likely to be unable to convey the nuances in the source text, for example slang words, regional dialects and words and cultural differences, which will affect the final product.

3. Research skills

Translators must have the readiness and ability to research. Often the client will provide notes to guide the translator but extra research is regularly required in order to translate documents to a high quality.

4. Self-discipline

It can mean the difference between completing a job and missing a deadline. However there is no clocking in and clocking out like there is with many jobs. Successful freelancers are self-motivated. They must also create a schedule and stick to it.

5. Translation qualifications

Being bilingual does not automatically mean you are a good translator. A bilingual individual is someone capable of expressing their own ideas in two different languages. A translator is a skilled professional with qualifications and experience in accurately expressing someone else's ideas in a language different from the one in which they were originally issued.

6. Project management skills

A good project manager in a translation agency will take away much of the need for this however a translator is in charge of managing their own workload. They must be able to effectively manage their different projects and always meet the timeframes they have committed to.

7. Ability to say no

This goes hand in hand with project management skills. The idea of the extra money you'd get for a job may seem alluring but if you take on too much work and miss a deadline the opportunity cost can be significant. Agencies don't mind translators saying no; they would rather that than be let down by a translator or be delivered a poor quality translation.

8. Specialisation in a subject

Having knowledge and comprehension of the subject you translate is a key asset.

A translator working in the medical field for example does not need to have a degree in medicine, but they would have to know how the human body works, the name of each disease in their target language and how various pharmaceuticals work in order to provide an accurate translation.

It is a good idea to choose a specialism relevant to them and something they are interested in. Learning about it will become much easier and don't forget they'll be translating this subject area day in, day out so it helps if they actually find it interesting.

9. Experience

Here at The Language Factory we only accept translators with at least five years' experience in translating. A translator starting out may be good but experience will turn them into a great translator.

REFERENCE BOOKS:

Foster, M. (1958) Translation from/in Farsi and English. Retrieved April, 2007, from <http://www.parasa.ts.com/index.htm>.

<https://translationjournal.net/October-2017/definition-of-translation.html>

<https://thelanguagefactory.co.uk/2019/03/22/9-qualities-of-a-great-translator/#:~:text=%20Nine%20qualities%20of%20a%20great%20translator%20,a%20deadline.%20However%20there%20is%20no...%20More%20>

SECTION II: *Guided translation*

PART 1: English-Vietnamese Translation

UNIT 1: *Cultural landscape*

(Cảnh quan văn hoá)

Task 1: READING

Read through the text below once. Don't try to understand the exact meaning of every word. Read the questions in Task 2 before you read the text.

Cultural landscape



The recognition of the significance of the concept of cultural landscapes is now widely accepted around the world in cultural heritage conservation practice. Reflecting this world-wide trend, UNESCO's Operational Guidelines for World Heritage listing were amended in 1993 to include cultural landscapes. There is often the tendency to assume that only rural areas are included in the concept of cultural landscapes. But it does really embrace urban areas. In the context of the AWPNUC Symposium in Hanoi, the cultural landscape construct is particularly germane because it proposes a contextual view of human settings where the material culture and human values are inextricably associated.

The concept of cultural landscapes demands that human settings, urban and rural, are seen as composite entities where inter-relationships between people, events and place exist through historic periods. Hence cultural landscapes have continuity because they are imprint of human history. They are the results of human intervention and present a record of human activity and human values. They reflect our, and our predecessors', relationships with our surrounds. They are a record of who we are and of our experiences, customs, and ideologies. Thus cultural landscapes are a social construct. They are not what we see, but a way of seeing where we interpret what we see through cultural conditioning.

Given that people value their past, both its physical manifestations and meanings inherent in places which we are bound up in the world heritage', there are two fundamental canons which apply to the cultural landscape idea:

1. The first canon is the existence of layers in the landscape which can be read and their meaning interpreted. It is the layers which reflect human values and significance.

2. The second, and following from 1, is that heritage is not a matter of separate dots on a map where individual sites or buildings are separately listed. The cultural landscape idea means that everything is interconnected because of the composite nature of cultural landscapes. People find attachment, and therefore heritage values, in these interconnections. There is a connection here with one of the focuses of the Symposium, that is the comprehensive value in the heritage listing of Urban Conservation Areas where the transaction between urban patterns, specific components and cultural traditions are integrated so that conservation of social value is awarded due recognition. It also embraces that fact that there are two categories of cultural landscapes.

These are:

- (i) the icons or special places, and
- (ii) ordinary, everyday places.

It is important to remember that the latter are just as important as the former when it comes to deciphering heritage significance. Conservation is not about protecting only the Great White House.

(After Ken Taylor, Professor of Landscape Architecture)

Task 2: WHAT'S THE MAIN IDEA?

Now answer the following questions:

1. What is the topic?
2. Where is the text probably taken from?
3. What is the writer's main purpose?
4. Who is the intended reader?
5. In what style is it written?

Task 3: VOCABULARY & COLLOCATIONS

Study the meaning and the use of the following words and phrases

<i>concept</i>	: khái niệm
<i>cultural landscape(s)</i>	: cảnh quan văn hoá
<i>context</i>	: bối cảnh, khuôn khổ
<i>Symposium</i> /sim'pəʊ.zi.ə/	: hội nghị khoa học, hội nghị chuyên đề

<i>cultural heritage conservation</i>	: bảo tồn di sản văn hoá
<i>trend</i>	: xu hướng
<i>construct</i>	: công trình
<i>germane</i> /dʒɜːˈmeɪn/ = <i>suitable</i>	: thích hợp
<i>to propose</i>	: kiến nghị
<i>contextual view</i>	: quan điểm toàn thủ văn cảnh
<i>human setting(s)</i>	: bối cảnh con người
<i>(in)extricably, intimately; inseparately</i>	: (không) tháo gỡ được, gắn bó chặt chẽ
<i>composite</i> /ˈkɑːm.pə.zɪt/	: thể kết hợp, do kết hợp mà thành, hỗn hợp
<i>entity</i> /ˈen.tə.ti/	: thực thể, sự tồn tại
<i>identifier, imprint</i>	: dấu ấn
<i>predecessors</i> /ˈpred.ə.ses.ə/	: ông cha, tổ tiên, tiền bối
<i>to interpret</i> /ɪnˈtɜː.pɪt/	: giải thích, làm sáng tỏ, dịch, hiểu
<i>to condition</i>	: đặt điều kiện
<i>manifestations</i>	: những yếu tố thể hiện ra bên ngoài, thị uy
<i>to manifest</i> ˈmæn.ə.fest/ (v, a)	: (a) rõ ràng, (v) biểu lộ, chứng tỏ
<i>inherent in smth</i> /ɪnˈhɪr.ənt/	: vốn có, cố hữu, , tiềm tàng (trong cái gì),
<i>Eg.: inherent attributes</i> (các thuộc tính cố hữu, vốn có)	
<i>canon</i> /ˈkæn.ən/ = <i>Standard</i>	: chuẩn mực, eg. the canons of conduct
<i>significance</i> /sɪɡˈnɪf.ə.kəns/	: ý nghĩa, (v): biểu lộ, chứng tỏ
<i>a separate dot</i>	: một cái chấm lẻ loi
<i>the composite nature</i>	: có bản chất là bao gồm nhiều thành phần
<i>attachment</i>	: những yếu tố đính kèm
<i>comprehensive value</i>	: giá trị tổng hợp
<i>the former ..., the latter</i>	: cái trước... cái sau
<i>transaction</i>	: có liên quan với nhau
<i>deciphering</i> /dɪˈsaɪ.fə/	: giải mã, giải đoán, đọc mật mã

- ❖ **to reflect:** Trong bài này động từ này có nghĩa là: *to show or to be a sign of the nature of smth or of smb's attitude or feeling* (phản ánh). **Ví dụ:** *His music reflects his interest in Quan Ho* (Âm nhạc của ông ta phản ánh sự say mê Quan họ). Động từ này khi đi với giới từ *on* (*to reflect on sth*) lại có nghĩa: *to think carefully and deeply about smth* (đắc đo suy nghĩ). **Ví dụ:** *I need time to reflect Or your request?* (Tôi cần có thời gian để suy nghĩ đắc đo một chút về đề nghị của anh). Động từ này cũng có thể dùng trong hai mẫu câu sau đây, mang nghĩa *báo cáo lại, phản ánh lại*:

V + that + SVO

Ví dụ: *He reflected that the work had been well done.*

hoặc

V + wh-clause

Ví dụ: *The incident reflected what he had thought about.*

- ❖ **to amend** thường dùng với một văn bản luật (*law*) hoặc một tài liệu (*document*) hoặc một công bố, tuyên bố (*statement*) với ý nghĩa là tạo ra những **điều chỉnh sửa nhỏ** (*change slightly*) nhằm làm cho văn bản đó chính xác hơn, hoặc chữa những lỗi chính tả, ngữ pháp trong văn bản, hoặc sửa một vài câu làm cho ý tưởng được hiểu rõ hơn. **Ví dụ:** ta nói **an amended version** (bản viết đã được biên tập).
- ❖ **to assume:** *to think or accept that smth is true but without having proof of it.* Vậy từ này có nghĩa là chấp nhận một điều gì đó dù cho không có chứng cứ. **Ví dụ:** *Let's assume for a moment that his study succeeds* (Bây giờ chúng ta tạm công nhận rằng công trình nghiên cứu của anh ta thế là cũng thành công tuy rằng chưa có những kết quả thật cụ thể).
- ❖ **to embrace** Động từ này thường chỉ dùng trong văn viết. Chúng ta cần chú ý khi động từ này kết hợp với những danh từ như *idea* (ý tưởng), *proposal* (dự kiến), *beliefs* (những điều người ta tin) thì nó có nghĩa là **chấp nhận** (*accept*). **Ví dụ:** *It is clear that those countries embrace socialist ideas* (Rõ ràng những nước đó đã công nhận tư tưởng của chủ nghĩa xã hội). Nhưng trong bài này nó có nghĩa là **bao gồm, bao hàm, kể cả** (*to include sth*). **Ví dụ:** *The concept of landscapes does really embrace urban areas* (Khái niệm về cảnh quan văn hoá thực sự bao hàm cả cảnh quan của các vùng đô thị).
- ❖ **to extricate** /'ek.stri.keɪt/ Động từ này thường chỉ dùng trong văn viết. Mẫu sử dụng là: **to extricate smth/smb/yourself from smth/some places: to escape or to enable smb to escape from a difficult situation, from a place where smb is trapped** (tự thoát, hoặc tạo điều kiện cho ai thoát khỏi một tình huống khó khăn/khó xử, một nơi nguy hiểm). **Ví dụ:** *They managed to extricate the firm from bankruptcy.* (Họ cố tìm cách gỡ cho công ty không bị phá sản)
- ❖ **to intervene** /,ɪn.tə'veɪn/: *to become involved in a situation in order to improve it* (xen vào, can thiệp vào một tình huống nhằm cải thiện tình huống ấy hoặc hỗ trợ vượt khó).

Ví dụ: *to intervene a quarrel / in s.o's affairs*

Ví dụ: trong việc bảo vệ cảnh quan văn hoá cần có *human intervention* (sự can thiệp của con người).

- ❖ **to imprint:** *to have a great effect on smth so that it cannot be forgotten* (tạo ra một hiệu quả để không bị lãng quên: tạo dấu ấn). Động từ này dùng theo mẫu sau đây:

to imprint A in/on B

to imprint B with A

Ví dụ: *The nice evening was imprinted on his mind.*

(Cái đêm tuyệt vời ấy đã để lại dấu ấn trong lòng anh ta).

- ❖ **to bind (bound, bound)** smb (up) to smth: to tie so that they are held together (ràng buộc).
- ❖ **to apply to**: to use or to make smth work in a particular situation (áp dụng vào)
- ❖ **to interconnect**: to connect similar things (liên kết).
- ❖ **to award for smth to smb**: to make an official decision to give sth to sb as a payment or prize (thưởng).
- ❖ **icon**: a famous person or thing that people admire and see as a symbol of a particular idea, way of life, etc. The pop icons of the 1980s (Những ca sĩ nhạc pop nổi tiếng vào thập kỷ 80).

Task 4: UNDERSTANDING THE TEXT

Analyse the following sentences to understand their meaning.

1. *The recognition of the significance of the concept of cultural landscapes is now widely accepted around the world in cultural heritage conservation practice.*

Chủ ngữ của câu này là: *The **recognition** of the significance of the concept of cultural landscapes* trong đó danh từ chủ chốt (nucleus) là *the recognition*, còn *of the significance of the concept of cultural landscapes* là những nhóm từ bổ trợ, nói rõ sự công nhận cái gì. Chủ ngữ này có thể dịch là: Sự công nhận/sự nhận ra ý nghĩa của khái niệm về cảnh quan văn hoá...

Đáp án tham khảo: Sự công nhận/sự nhận ra ý nghĩa của khái niệm về cảnh quan văn hoá ngày nay đã được chấp nhận rộng rãi trên toàn thế giới trong công tác bảo tồn di sản văn hoá.

2. *Reflecting this world-wide trend, UNESCO's Operational Guidelines for World Heritage listing were amended in 1993, to include cultural landscapes. There is often the tendency to assume that only rural areas are included in the concept of cultural landscapes. But it does really embrace urban areas.*

Đáp án tham khảo: Phản ánh xu hướng toàn cầu, Tài liệu hướng dẫn hoạt động về bảo vệ di sản thế giới của UNESCO đã được chỉnh sửa vào năm 1993 đã đưa cảnh quan văn hoá vào danh mục. Người ta thường có xu hướng cho rằng khái niệm cảnh quan văn hoá chỉ bao gồm những khu vực nông thôn mà thôi. Nhưng trên thực tế nó lại bao hàm cả khu vực đô thị.

3. *In the context of the AWPNUC Symposium in Hanoi the cultural landscape construct is particularly germane because it proposes a contextual view of human settings where the material culture and human values are inextricably associated.*

Câu trên có thể chia thành hai phần để dịch:

- a. *the cultural landscape construct is particularly germane* (main clause: mệnh đề chính). Trong mệnh đề này có phần phụ là : *In the context of the AWPNUC Symposium in Hanoi*. Đây chỉ là một nhóm từ chỉ địa điểm.
- b. *because it proposes a contextual view of human settings where the material culture and human values are inextricably associated* (mệnh đề phụ) trong đó *where* là đại từ quan hệ tạo ra một mệnh đề phụ nữa.

Vậy trong mệnh đề này có hai mệnh đề thành phần:

because it proposes a contextual view of human settings.

where the material culture and human values are inextricably associated.

Đáp án tham khảo: Trong khung cảnh của Diễn đàn AWPNU ở Hà Nội, nêu vấn đề cấu trúc của cảnh quan văn hoá là rất thích hợp vì nó đưa ra một cách nhìn trong văn cảnh về môi trường sống của con người, trong đó yếu tố văn hoá có tính vật chất và giá trị nhân văn của nó gắn bó chặt chẽ với nhau.

4. *The concept of cultural landscapes demands that human settings, urban and rural, are seen as composite entities where inter-relationships between people, events and place exist through historic periods.*

Tuy về mặt ngữ pháp, chúng ta nói *The concept of cultural landscapes demands* là mệnh đề chính, nhưng đối với người dịch, mối quan tâm chính lại là: *human settings, urban and rural, are seen as composite entities*.

Sau đó đến mệnh đề phụ bắt đầu bằng *where* (đại từ quan hệ chỉ nơi chốn, thay cho *composite entities*): *where inter-relationships between people, events and place exist through historic periods*.

Đáp án tham khảo: Khái niệm về cảnh quan văn hoá đòi hỏi rằng môi trường sống của con người, cả thành thị lẫn nông thôn, đều phải được coi là một thực thể bao gồm nhiều thành phần hợp lại, mà trong thực thể ấy mối quan hệ qua lại giữa con người, sự kiện và địa điểm đã tồn tại qua nhiều thời kỳ lịch sử.

5. *Hence cultural landscapes have continuity because they are imprint of human history. They are the results of human intervention and present a record of human activity and human values.*

Từ *hence* có thể dùng với mẫu câu: **hence + NP**, Ví dụ: *The house was built on the side of the hill, hence the name Hillside* (Ngôi nhà được xây trên sườn đồi do đó có tên Nhà Bên Đồi); hoặc với mẫu

câu: **Hence + SVO**, hoặc **SVO + hence**.

Đáp án tham khảo: Do vậy cảnh quan văn hoá có tính liên tục của nó vì đó là dấu ấn của lịch sử nhân loại. Cảnh quan văn hoá là kết quả của sự can thiệp của con người, và chúng thể hiện những ghi nhận về hoạt động của con người và những giá trị nhân văn.

6. *They reflect our, and our predecessors', relationships with our surrounds. They are a record of who we are and of our experiences, customs, and ideologies.*

Đứng ở góc độ người dịch, chúng ta cần biết câu thứ hai là câu ghép với hai thành phần:

- a. *They are the record of who we are.*
- b. (They are the record) of our experiences, customs, and ideologies.

Đáp án tham khảo: Chúng phản ánh mối quan hệ của chúng ta và của các bậc tiền bối của chúng ta với hoàn cảnh sống xung quanh. Đó là | một tài liệu ghi chép chúng ta là ai, kinh nghiệm và những điều chúng | ta đã trải qua, phong tục và tư tưởng của chúng ta.

7. *Thus cultural landscapes are a social construct. They are not what we see, but a way of seeing where we interpret what we see (through cultural conditioning).*

Thus: từ nối có nghĩa **do vậy**. Nó là loại chỉ định từ, báo cho chúng ta biết câu này chính là kết luận của những phân tích ở trên.

Câu thứ hai bao gồm ba thành phần:

- a. *They are not what we see*
- b. *but (they are) a way of seeing*
- c. *where we interpret what we see (through cultural conditioning)*

(c) là một mệnh đề phụ bắt đầu bằng đại từ quan hệ chỉ nơi chốn *where*. Trong mệnh đề này, *what we see (through cultural conditioning)* lại là tân ngữ của động từ *interpret*.

Đáp án tham khảo: Do vậy cảnh quan văn hoá là một cấu trúc xã hội. Nó không phải cái mà chúng ta trông thấy, mà là cái chúng ta nhìn nhận nó, và trong cách nhìn nhận ấy chúng ta giải thuyết những gì chúng ta nhìn thấy qua những điều kiện mang tính văn hoá.

8. *Given that people value their past, both its **physical manifestations** and meanings inherent in places which **we are bound up** in the world heritage', there are two fundamental canons which apply to the cultural landscape idea.*

Given that là một nhóm từ thành ngữ: **cho rằng, coi như...**

meanings inherent in places = meanings (which are) inherent in places

Đáp án tham khảo: Cứ cho rằng con người thấy được giá trị quá khứ của mình, thông qua những **biểu hiện vật chất** cũng như những ý nghĩa tiềm ẩn trong địa danh mà chúng ta gắn bó với trong di sản thế giới, thì ta thấy có hai chuẩn mực cơ bản thường thể hiện trong quan điểm về cảnh quan văn hóa.

9. *The first canon is the existence of layers in the landscape which can be read and their meaning interpreted. It is the layers which reflect human values and significance.*

...their meaning interpreted = which can be interpreted

Đáp án tham khảo: Chuẩn mực thứ nhất là sự tồn tại của các thành phần trong một cảnh quan, mà những thành phần này có thể đọc được, và ý nghĩa của chúng có thể diễn giải được. Chính các thành phần đó đã phản ánh ý nghĩa và giá trị nhân văn của nó.

10. *The second, and following from I, is that heritage is not a matter of separate dots on a map where individual sites or buildings are separately listed. The cultural landscape idea means that everything is interconnected because of the composite nature of cultural landscapes. People find attachment, and therefore heritage values, in these interconnections.*

Cấu trúc danh từ : *everything is connected because of the composite nature of cultural landscapes:* bản thân mỗi cảnh quan đều chứa đựng nhiều thành phần tạo nên cảnh quan ấy, nhiều cảnh quan văn hóa có chứa những yếu tố tác động, quan hệ qua lại với nhau; đó là bản chất của cảnh quan văn hóa. Vì thế mọi yếu tố trong cảnh quan ấy đều liên quan khăng khít với nhau, và có thể với các cảnh quan khác nữa.

Trong câu cuối cùng, sau *therefore* là một NP (*heritage values*). Từ *therefore* là một trạng từ, nó dùng để chỉ báo một kết quả của một sự kiện vừa xảy ra. Từ này có hai cách dùng:

(1) SVO, therefore, SV0. Ví dụ: *There is much to discuss, therefore, we'll return to this item in the next meeting,*

(2) Mệnh đề đứng sau therefore có cùng chủ ngữ và động từ với mệnh đề đứng trước nên có thể lược bỏ. Ví dụ: *This bird is rare and therefore 'protected by law. (= therefore it is protected by law).*

Câu trên có thể giải thích như sau: *People find attachment, and therefore heritage values (= therefore people find heritage values).*